TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 05-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Xuân Minh.
Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo: Phạm Văn H, sinh năm 1972 tại Cà Mau. Tên gọi khác: Phạm Thanh H. Nơi cư trú: Ấp L, xã Pc, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng V và bà Lê Kim P; Vợ Lâm Thị L và 04 người con.

Tiền án: 03 lần:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/5/2002, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 48 tháng tù (04 năm tù) về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt, phần dân sự chưa bồi thường.

Lần thứ hai: Vào ngày 13/4/2007, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 năm tù về tội Chiếm đoạt và sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung là 09 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt, phần dân sự chưa yêu cầu bồi thường.

Lần thứ ba: Vào ngày 29/10/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt, phần dân sự chưa

yêu cầu bồi thường, bản án ngày 29/10/2015 xét xử bị cáo với tình tiết tái phạm và tính đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/12/2019, tạm giam ngày 05/12/2019, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 01/12/2019, Phạm Văn H đi xe đạp và mang theo kềm, kéo và dụng cụ vặn ốc vít từ phường 7, thành phố Cà Mau đến địa bàn huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 03 giờ ngày 02/12/2019, Phạm Văn H điều khiển xe đạp đến ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và đậu xe ngoài lộ rồi đi bộ qua cầu K khoảng 50 mét thì phát hiện nhà anh Nguyễn Vũ N có một chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 đậu trước cửa hàng ba tại nhà nhưng không thấy người trông coi nên Phạm Văn H đến và dùng tay dẫn chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 ra cửa hàng ba nhà va chạm vào thành cửa tạo tiếng động và bị anh N phát hiện nên Phạm Văn H bỏ xe lại rồi chạy trốn. Tiếp đó, anh N truy hô và cùng người dân đuổi bắt giữ được Phạm Văn H giao cho chính quyền địa phương lập biên bản xử lý.

Tại Kết luận số 72/BB-KL ngày 04/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Văn Thời kết luận: Tài sản chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 do Phạm Văn H chiếm đoạt có tổng giá trị 13.796.000 đồng.

Vật chứng, tài sản thu được gồm có: Một chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 do anh Nguyễn Vũ N đứng tên; một chiếc xe đạp nam màu trắng, bánh căm, viền căm màu đen, yên màu đen; một bọc nilon màu cam có quai xách, mặt ngoài có chữ Tâm Huế Viên; một cây kéo dài 27 cm bằng kim loại màu đen; một cây kéo dài 17 cm bằng kim loại màu đen; một cây kềm dài 16,5 cm bằng kim loại cán màu đỏ; một chìa khóa chữ L; một chìa khóa 10 dài 13,5 cm bằng kim loại; một đoạn kim loại dài 5,5 cm một đầu hình lục giác, một đầu dẹp nhọn; một đèn pin đội đầu màu đen.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 20/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Phạm Văn Hiền về tội Trộm cắp tài sản theo quy định điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử

phạt bị cáo Phạm Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật và đề nghị tịch thu số vật chứng đang thu giữ xử lý theo quy định.

Đối với bị cáo Phạm Văn H thừa nhận hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 của anh Nguyễn Vũ N là hành vi vi phạm pháp luật, mong rằng Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự chấp nhận bồi thường cho bị hại tiền thuê mướn xe đi làm, thuê xe đi đến Công an để nhận lại xe, tiền mất thu nhập và các chi phí khác tổng số tiền 1.125.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với tội danh do Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo nhưng không đồng tình cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại các khoản như sau: Khi sự việc xảy ra Công an mời bị hại làm việc 2 ngày không đi làm được nên yêu cầu mất thu nhập 2 ngày mỗi ngày 300.000 đồng = 600.000 đồng, khi xe bị tạm giữ không có xe đi làm nên phải thuê xe đi mỗi ngày 200.000 đồng trong thời gian 3 ngày = 600.000 đồng, ngày đi nhận xe thuê taxi = 400.000 đồng và tiền mất thu nhập trong 01 ngày đi nhận xe = 250.000 đồng; thuê xe đi làm giấy ủy quyền và xét xử = 100.000 đồng và 01 ngày mất thu nhập = 300.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 2.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc yêu cầu gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được xác định là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H đều thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe Wave biển kiểm soát 69N1-41702 của anh Nguyễn Vũ N có tổng giá trị định giá 13.796.000 đồng, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và tài sản bị chiếm đoạt. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Phạm Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh N đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, hành vi của bị cáo đã thực hiện hoàn thành. Mặc dù, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt

theo kết luận định giá 13.796.000 đồng nhưng trước đó vào ngày 29/10/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tái phạm, tuy đã chấp hành xong hình phạt nhưng tính thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh N vẫn chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo Phạm Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo H nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích tư lợi để nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã bất chấp kể cả việc thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và hậu quả do chính bị cáo gây ra.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự theo ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo đã có 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản đáng lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm để làm một công dân có ích, trái lại bị cáo không biết sửa sai mà lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt với lỗi cố ý điều đó cho thấy bị cáo chưa thật sự ăn năn hối cải. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt bị cáo đã có ý thức chuẩn bị từ trước và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần có mức hình phạt tù nghiêm khắc để áp dụng đối với bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng và cần được áp dụng xử phạt bị cáo để bị cáo có đủ thời gian cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, việc Cơ quan điều tra quyết định trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại là đúng pháp luật nên không đặt ra xem xét.

Đối với phần thiệt hại phía đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu là thực tế cần được xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng phần thu nhập phía người đại diện hợp pháp của bị hại đưa ra chưa có sự thống nhất có lúc yêu cầu 300.000 đồng/ngày, có lúc 250.000 đồng/ngày nhưng không có căn cứ chứng minh nên áp dụng mức thu nhập bình quân trung bình tại địa phương mỗi ngày tương đương 200.000 đồng và được tính 02 ngày do Công an mời làm việc bị mất thu nhập, 01 ngày đi nhận lại xe và 01

ngày thực hiện việc ủy quyền xét xử tổng số ngày mất thu nhập là 04 ngày X 200.000 đồng/ngày = 800.000 đồng . Đối với tiền thuê xe đi làm được chấp nhận 03 ngày mỗi ngày 200.000 đồng = 600.000 đồng, tiền thuê taxi đi nhận xe do tính chất của công việc nên không chấp nhận 400.000 đồng mà chỉ chấp nhận giá bình quân thực tế tại địa phương đi từ nhà của bị hại đến nơi nhận xe là 200.000 đồng và tiền xe đi làm giấy ủy quyền theo yêu cầu là 100.000 đồng. Tổng số tiền được chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 1.700.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với tài sản là chiếc xe đạp nam màu trắng, bánh căm, viền căm màu đen, yên màu đen; một bọc nilon màu cam có quai xách, mặt ngoài có chữ Tâm Huế Viên; một cây kéo dài 27 cm bằng kim loại màu đen; một cây kéo dài 17 cm bằng kim loại màu đen; một cây kềm dài 16,5 cm bằng kim loại cán màu đỏ; một chìa khóa chữ L; một chìa khóa 10 dài 13,5 cm bằng kim loại; một đoạn kim loại dài 5,5 cm một đầu hình lục giác, một đầu dẹp nhọn; một đèn pin đội đầu màu đen là công cụ, phương tiện phạm tội và được xác định là vật chứng trong vụ án nên cần được xử lý. Đối với chiếc xe đạp nam màu trắng, bánh căm, viền căm màu đen, yên màu đen còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; số còn lại không sử dụng được tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Do bị cáo bị kết án và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên phạt bị cáo Phạm Văn H (Phạm Thanh H) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành tính từ ngày 02/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn H bồi thường cho anh Nguyễn Vũ N số tiền 1.700.000 đồng.

Kể từ khi anh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước chiếc xe đạp nam màu trắng, bánh căm, viền căm màu đen, yên màu đen và tịch thu tiêu hủy một bọc nilon màu cam có quai xách, mặt ngoài có chữ Tâm Huế Viên; một cây kéo dài 27 cm bằng kim loại màu đen; một cây kéo dài 17 cm bằng kim loại màu đen; một cây kềm dài 16,5 cm bằng kim loại cán màu đỏ; một chìa khóa chữ L; một chìa khóa 10 dài 13,5 cm bằng kim loại; một đoạn kim loại dài 5,5 cm một đầu hình lục giác, một đầu dẹp nhọn; một đèn pin đội đầu màu đen hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời quản lý theo biên bản giao nhận ngày 20/12/2019.

Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 300.000 đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Trần Văn Thời;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải